HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65 /NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quyết định phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ SÁU
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Dự trữ quốc gia ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 27/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 243/BC-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030, tỉnh Tuyên Quang từ nguồn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Tổng nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại điểm o, khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 55/NQ-HĐND là: 11.840,346 tỷ đồng

2. Tổng số kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này: 2.915,663 tỷ đồng.

Trong đó:

a) Phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn trong chủ trương đầu tư: 1.915,929 tỷ đồng.

b) Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án cơ cấu theo ngành, lĩnh vực (đã đủ điều kiện về hồ sơ thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công): 999,734 tỷ đồng. Trong đó:

- Lĩnh vực quốc phòng: 45,0 tỷ đồng.
- Lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội: 90,5 tỷ đồng.
- Lĩnh vực y tế: 100,0 tỷ đồng.
- Lĩnh vực văn hóa: 63,5 tỷ đồng.
- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thuỷ sản: 270,0 tỷ đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 430,734 tỷ đồng.

3. Tổng nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại điểm o, khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 55/NQ-HĐND sau phân bổ chi tiết còn lại là: 8.924,683 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01, Phụ biểu số 01, Phụ biểu số 02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh (đăng công báo);
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. (Nam)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Phạm Thị Minh Xuân

Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH TUYÊN QUANG
(Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSĐP chưa phân bổ tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 28/8/2026)	Phân bổ chi tiết			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSĐP còn lại chưa phân bổ chi tiết	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn trong chủ trương đầu tư	Dự án đã đủ điều kiện về hồ sơ thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công		
1	*2*	*3*	*4=5+6*	*5*	*6*	*7=3-4*	*8*
	TỔNG SỐ	**11,840,346**	**2,915,663**	**1,915,929**	**999,734**	**8,924,683**	
1	Xây dựng cơ bản XDCB vốn tập trung trong nước	3,070,851	1,968,560	1,628,136	340,424	1,102,291	
2	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5,648,164	867,103	287,793	579,310	4,781,061	
3	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	215,249	80,000		80,000	135,249	
4	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại NS cấp tỉnh	2,906,082				2,906,082	

Phụ biểu số 01

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH TUYÊN QUANG
(Dự án dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn trong chủ trương đầu tư)

(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn/Tên dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán, điều chỉnh (nếu có)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 giao tại NQ số 55/NQ-HĐND ngày 28/8/2026			Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030, phân bổ bổ sung từ nguồn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 55/NQ-NĐND ngày 28/8/2026			Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030, sau phân bổ bổ sung			Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó: CĐ NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn XDCB tập trung	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn XDCB tập trung	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn XDCB tập trung	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10=11+12*	*11*	*12*	*13=14+15*	*14*	*15*	*16=17+18*	*17=11+14*	*18=12+15*	*19*	*20*
	TỔNG SỐ						**2,128,806**	**2,128,806**	**212,877**	**31,977**	**180,900**	**1,915,929**	**1,628,136**	**287,793**	**2,128,806**	**1,660,113**	**468,693**		
	Phân bổ cho các Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030	**3**					**2,128,806**	**2,128,806**	**212,877**	**31,977**	**180,900**	**1,915,929**	**1,628,136**	**287,793**	**2,128,806**	**1,660,113**	**468,693**		
(1)	**Giao thông**	**3**					**2,128,806**	**2,128,806**	**212,877**	**31,977**	**180,900**	**1,915,929**	**1,628,136**	**287,793**	**2,128,806**	**1,660,113**	**468,693**		
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.177 đoạn từ Km 47+310.12 - Km55+120 (giai đoạn II)		Xã Nậm Dịch, xã Tân Tiến	Cấp III, L=7,81km	2026-2029	1272/QĐ-UBND 15/5/2026; 2695/QĐ-UBND 21/10/2026	319,770	319,770	31,977	31,977		287,793		287,793	319,770	31,977	287,793	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh	
2	Mở rộng nâng cấp Đường Quốc lộ 34 - Từ Phường Hà Giang 2 đi xã Bắc Mê (Giai đoạn 1)		Phường Hà Giang 2 đi xã Bắc Mê	Cấp III, L=60,55km	2026-2030	1273/QĐ-UBND 15/5/2026; 2695/QĐ-UBND 21/10/2026	1,100,000	1,100,000	110,000		110,000	990,000	990,000		1,100,000	990,000	110,000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình tỉnh	
3	Xây dựng cầu và đường xã Sơn Thủy, tỉnh Tuyên Quang		Xã Sơn Thủy	Nhóm B	2026-2029	1271/QĐ-UBND 15/5/2026; 2695/QĐ-UBND 21/10/2026	709,036	709,036	70,900		70,900	638,136	638,136		709,036	638,136	70,900	Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	

Phụ biểu số 02

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH TUYÊN QUANG
(Dự án đã đủ điều kiện về hồ sơ thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công)

(Kèm theo Nghị quyết số 65 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nguồn vốn/Tên dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) hoặc QT			Lũy kế vốn từ khi KC đến hết ngày 31/12/2025	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030				Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó: CĐ NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
											Nguồn vốn XDCB tập trung	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13+14*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	TỔNG SỐ	**11**					**3,110,579**	**1,031,234**	**1,500**	**999,734**	**340,424**	**579,310**	**80,000**		
(1)	**Quốc phòng**	**2**					**45,000**	**45,000**	**-**	**45,000**	**20,000**	**25,000**	**-**		
1	Hoàn thiện Doanh trại Đại đội kho vũ khí - đạn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tuyên Quang		P.Minh Xuân	Cấp III	2027-2029	245/QĐ-UBND, 29/7/2026	25,000	25,000		25,000	10,000	15,000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Cụm kho cơ quan Bộ CHQS tỉnh Tuyên Quang		P.Minh Xuân	Cấp IV	2028-2030	244/QĐ-UBND, 29/7/2026	20,000	20,000		20,000	10,000	10,000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
(2)	**An ninh và trật tự, an toàn xã hội**	**1**					**1,084,500**	**120,500**		**90,500**	**60,500**	**30,000**			
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Tuyên Quang		Tỉnh Tuyên Quang	Nhóm B	2026-2030	4408/QĐ-BCA-H02 ngày 09/7/2026	1,084,500	120,500		90,500	60,500	30,000		Công an tỉnh	Năm 2026, bổ sung 30.000 tr.đ từ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại NST
(3)	**Y tế**	**1**					**100,000**	**100,000**		**100,000**		**20,000**	**80,000**		
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang		Phường Minh Xuân	Nhóm B	2026-2029	2305/QĐ-UBND 18/9/2026	100,000	100,000		100,000		20,000	80,000	Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	
(4)	**Văn hóa**	**1**					**65,000**	**65,000**	**1,500**	**63,500**	**63,500**				
1	Nhà văn hóa trung tâm phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang		P.Minh Xuân	Nhóm B	2026-2028	1931/QĐ-UBND, 29/7/2026	65,000	65,000	1,500	63,500	63,500			UBND Phường Minh Xuân	
(5)	**Kinh tế**	**6**					**1,816,079**	**700,734**		**700,734**	**196,424**	**504,310**			
(5.1)	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**	**2**					**270,000**	**270,000**		**270,000**	**65,769**	**204,231**			
1	Xây dựng hệ thống tường kè chống sạt lở bờ sông Chảy thuộc thôn Cây Quýt 2, phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang		P.Mỹ Lâm	Cấu BTCT, L= 0,5 km	2026-2030	2185/QĐ-UBND, 04/9/2026	70,000	70,000		70,000		70,000		Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	
2	Kè chống sạt lở, nạo vét, chỉnh trị dòng dẫn (khu vực bão đỗ xe tĩnh, suối Mè, sông Lô) phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang		P. Hà Giang 1	Kè L=800 m	2026-2028		200,000	200,000		200,000	65,769	134,231		Ban QLDA ĐTXD công trình tỉnh	Dự án đầu tư công khẩn cấp
(5.2)	**Giao thông**	**4**					**1,546,079**	**430,734**		**430,734**	**130,655**	**300,079**			
1	Dự án đường kết nối từ Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang sang tỉnh Lào Cai.		Phường Mỹ Lâm	Nhóm B	2026-2029	2632/QĐ-UBND 15/10/2026	350,459	459		459		459		Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	

STT	Nguồn vốn/Tên dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt dự toán, điều chỉnh (nếu có) hoặc QT			Lũy kế vốn từ khi KC đến hết ngày 31/12/2025	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030				Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó: CĐ NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
											Nguồn vốn XDCB tập trung	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=12+13+14*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu và đường kết nối từ QL.2C qua lòng hồ thuỷ điện Chiêm Hoá đi trung tâm xã Nà Hang (ĐT 191)		Xã CH đi xã Nà Hang	Nhóm B	2026-2029	2633/QĐ-UBND 15/10/2026	665,620	129,620		129,620		129,620		Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.188 đoạn từ xã Xuân Vân đi xã Lực Hành, tỉnh Tuyên Quang		Xã Xuân Vân-xã Lực Hành	L= 15 km	2026-2029	2371/QĐ-UBND 28/9/2026	250,000	250,000		250,000	80,000	170,000		Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	
4	Đường từ Quốc lộ 2 xã Yên Sơn kết nối với đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang		Xã Yên Sơn	L= 6,5 km	2026-2029	2631/QĐ-UBND 15/10/2026	280,000	50,655		50,655	50,655			Ban QLDA ĐTXD công trình số 01 tỉnh	